

# THƯƠNG MẠI HÓA QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÓI CHUNG VÀ ĐẠI HỌC HUẾ NÓI RIÊNG

*ĐOÀN ĐỨC LƯƠNG\**

*ĐỖ THỊ ĐIỆN\*\**

*Ngày nhận bài: 21/3/2017*

*Ngày phản biện: 25/4/2017*

*Ngày đăng bài: 15/6/2017*

## **Tóm tắt:**

Ở Việt Nam, thương mại hóa quyền sở hữu công nghiệp chưa thực sự được quan tâm và còn gặp rất nhiều khó khăn do chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực này, nhất là hoạt động thương mại hóa sáng chế của các trường Đại học. Trong môi trường cạnh tranh cao của thương mại quốc tế, tầm quan trọng ngày càng tăng đang được đặt trong việc bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ. Trong đó, chiến lược thương mại hóa sáng chế có vai trò rất quan trọng trong quá trình kết hợp các nhà cung cấp công nghệ và người nhận, tiến tới đáp ứng nhu cầu xã hội, tránh lãng phí nguồn chất xám vô cùng có giá trị. Để đạt kết quả cao, cần thiết có sự phối hợp nhịp nhàng từ các chủ thể trong xã hội như: Nhà nước, các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và cộng đồng người tiêu dùng. Trong đó, Nhà nước cần quan tâm và đầu tư đúng mức vai trò của các trường Đại học trong hoạt động thương mại hóa sáng chế, để sáng chế từ các trường Đại học ra

## **Abstract:**

In Vietnam, the commercialization of industrial property rights is not being paid much attention and still faces to many difficulties due to the lack of experiences in this field, especially the commercialization of inventions from universities. In the highly competitive environment of international trade, the growing importance is being placed on the protection and development of intellectual property. In particular, the commercialization of patents plays a very important role in the integration of technology providers and recipients, in response to the social need, to avoid wasting valuable brain drain resources. In order to achieve high results, it is necessary to have harmonious coordination among social subjects such as the State, functional agencies, local authorities, production enterprises and consumers community. In it, the State should pay attention and invest in the role of universities in the commercialization of

---

\* PGS.TS., Giảng viên cao cấp trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: luongdhh@gmail.com

\*\* ThS., Giảng viên trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: dienkhoaluat@gmail.com

xã hội, phục vụ nhu cầu của con người.

inventions, in order to innovate from universities to society, in service of human needs.

**Từ khóa:**

Thương mại hoá, sở hữu công nghiệp, sáng chế, trường đại học.

**Key words:**

Commercialization, industrial property rights, inventions, universities.

**Đặt vấn đề**

Tài sản trí tuệ là những sản phẩm do trí tuệ con người sáng tạo ra thông qua hoạt động tư duy sáng tạo. Trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay, tài sản trí tuệ đang dần trở thành một loại tài sản có giá trị cao trong toàn bộ giá trị của doanh nghiệp. Do đó, có quan điểm nhận xét “*nếu tài sản lớn nhất trong doanh nghiệp của bạn là nhà xưởng, máy móc - bạn chỉ là doanh nghiệp loại ba, còn tài sản lớn nhất trong doanh nghiệp của bạn là con người - bạn là doanh nghiệp loại hai. Khi bạn nói với tôi rằng doanh nghiệp của bạn rất giàu có vì bạn đang có trong tay những tài sản vô hình mà vô giá - tài sản trí tuệ - bạn là doanh nghiệp hạng nhất<sup>1</sup>*”. Trong các tài sản trí tuệ thì quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế có vai trò quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu giá trị tài sản từ máy móc, nhà xưởng hoặc nay là tài sản trí tuệ trong các sản phẩm, hàng hóa tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Từ đó, các chủ thể rất quan tâm đến vấn đề thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế nói riêng. Để đảm bảo sự phát triển kinh tế của đất nước, nhiều trường hợp sáng chế quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Ở nước ta trong những năm qua cũng đã có sự quan tâm nhất định đến việc đầu tư tạo ra những sáng chế nhưng thực sự chưa đúng mức. Tình trạng các cơ sở đào tạo đại học, các viện nghiên cứu tạo ra nhiều kết quả nghiên cứu có giá trị, nhưng chưa biết đăng ký và khai thác. Nhiều sáng chế chưa được chuyển giao cho các doanh nghiệp thông qua hợp đồng để phát huy hiệu quả trong đời sống kinh tế - xã hội. Do đó, vấn đề thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế nói riêng còn nhiều hạn chế.

**1. Thương mại hóa quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế**

***1.1. Vai trò của thương mại hóa quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế***

Thương mại hóa quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế là quá trình chuyển hóa kiến thức khoa học, kỹ thuật sang hình thức sản xuất tạo ra sản phẩm hàng hóa cho xã hội. Việc thương mại hóa tạo ra sự kết nối hài hòa lợi ích của nhà sản xuất (doanh nghiệp) - với nhà nghiên cứu - người tiêu dùng. Do vậy, thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế có ý nghĩa to lớn.

---

<sup>1</sup> Xem thêm Đăng Linh - *Tài sản trí tuệ, chìa khóa để phát triển* - Báo khoa học và phát triển, ngày 31/07/ 2009.

*Một là*, tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Hoạt động của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng hướng tới mục đích lợi nhuận, sự cạnh tranh thương hiệu của doanh nghiệp mà trực tiếp là những sản phẩm, hàng hóa có chất lượng đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Muốn như vậy, doanh nghiệp không ngừng nâng cao chất lượng hàng hóa hiện tại và tạo ra sự đột phá trong tương lai là quá trình thông qua việc đặt hàng đối với các nhà nghiên cứu, có nhiều nghiên cứu cần được chuyển giao kết quả, hoặc trực tiếp đầu tư tạo ra sáng chế. Tuy nhiên, giải pháp thông qua các hợp đồng vẫn mang lại lợi ích cho doanh nghiệp nhiều hơn và vì biết phải đầu tư cơ sở vật chất, hay con người trực tiếp. Như vậy, vị thế của doanh nghiệp được khẳng định trên thương trường, không chỉ có lợi cho doanh nghiệp, mà còn tạo việc làm cho xã hội, nộp thuế cho nhà nước.

*Hai là*, tạo ra những sản phẩm hàng hóa có chất lượng đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Kết quả nghiên cứu dù được cấp bằng độc quyền sáng chế mà không đưa vào ứng dụng thì không mang lại hiệu quả. Những doanh nghiệp và chủ sở hữu sáng chế phải có sự thỏa hiệp thông qua các hợp đồng để sáng chế được đưa vào ứng dụng tạo ra những sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Càng nhiều sáng chế được ứng dụng thì sản phẩm, hàng hóa phong phú, người tiêu dùng càng có nhiều sự lựa chọn hơn.

*Ba là*, hình thành một thị trường công nghệ phổ biến ở Việt Nam. Chủ thể chính tạo nên sự sôi động của thị trường khoa học công nghệ là các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Bên cạnh đó là các viện nghiên cứu, trường đại học, nhà sáng chế, nhà đầu tư, nhà tư vấn... Chính vì vậy, thị trường khoa học và công nghệ chỉ có thể phát triển khi có nhiều doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới hay cải tiến quy trình tổ chức quản lý sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ. Ngược lại, các viện nghiên cứu, trường đại học, nhà sáng chế phải tạo ra được công nghệ đáp ứng nhu cầu và phù hợp với khả năng của doanh nghiệp thì mới có khả năng thương mại hóa.

### ***1.2. Các hình thức thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế***

Thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế thông qua những phương thức khác nhau để các chủ thể có thể thực hiện chuyển giao, chuyển nhượng những sáng tạo để đạt kết quả cao. Thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế gồm hai hình thức cơ bản sau.

*Thứ nhất*, thương mại hóa thông qua chuyển nhượng sáng chế. Là hình thức pháp lý mà chủ sở hữu “bán” tất cả các độc quyền khai thác giá trị sáng chế cho các cá nhân hay tổ chức khác thông qua hợp đồng chuyển nhượng sáng chế. Khi hợp đồng có hiệu lực pháp luật thì bên “nhận chuyển nhượng” trở thành chủ sở hữu mới của sáng chế đã được cấp bằng độc quyền và được thực thi tất cả các hình thức pháp lý để khai thác giá trị kinh tế của sáng chế.

*Thứ hai*, thương mại hóa sáng chế thông qua hình thức chuyển quyền sử dụng. Điều này cho phép chủ sở hữu sáng chế khai thác giá trị kinh tế từ sáng chế nhằm mang lại lợi ích vật chất cho mình. Tuy nhiên, hình thức chuyển giao quyền sử dụng sáng chế có phạm vi hẹp hơn so với hình thức chuyển nhượng sáng chế. Thông qua hợp đồng chuyển nhượng (hợp đồng li-xăng), chủ sở hữu sáng chế cho phép bên nhận li-xăng sáng chế khai thác trong phạm vi, điều kiện nhất định mà hai bên thỏa thuận như sản xuất đúng sản phẩm được bảo hộ, áp dụng đúng quy trình được bảo hộ, khai thác công dụng của sản phẩm.

Tuy nhiên, hình thức thương mại hóa sáng chế là hình thức pháp lý thông qua hợp đồng, dựa trên nguyên tắc tự do giao kết, thỏa thuận, bình đẳng để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa tác giả, chủ sở hữu - nhà sản xuất và người tiêu dùng, hướng tới lợi ích phát triển kinh tế, xã hội.

### ***1.3. Các phương thức định giá đối với sáng chế***

Thương mại hóa quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế là hoạt động có tính “kinh tế” rõ ràng, và có những tiêu chí nhất định để xác định giá trị.

- Phương pháp dựa vào chi phí: Phương pháp này dựa chủ yếu vào các chi phí liên quan đến nghiên cứu, phát triển, sáng tạo, bảo hộ và thương mại hóa công nghệ. Chi phí này do bên chuyển giao tính toán được con số ước lượng và con số cụ thể, từ đó làm căn cứ thu hồi giá trị tài sản và khoản tiền lãi phát sinh từ giá trị của sáng chế.

- Phương pháp dựa vào thu nhập: Sáng chế được ứng dụng cao trong thực tiễn cuộc sống thì lợi nhuận sẽ tăng cao, có lợi cho các bên tham gia thương mại hóa. Dựa vào nguồn lợi kinh tế mà sáng chế mang lại, sẽ chia theo tỷ lệ công sức đóng góp của các bên tương ứng.

- Phương pháp dựa vào thị trường: phương pháp này phải xác định được tính cạnh tranh của thị trường như nhu cầu của thị trường, sản phẩm được sản xuất, tính mới của sản phẩm... Thị trường luôn luôn biến động phức tạp, những vấn đề phát sinh ngoài dự kiến theo hướng bất lợi hoặc có lợi cần được dự kiến ứng phó với biến động của thị trường.

## **2. Thương mại hóa quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế - qua thực tiễn các trường đại học nói chung và Đại học Huế nói riêng**

### ***2.1. Tình hình thương mại hóa quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế***

Sáng chế là tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu công phu đương nhiên để áp dụng vào sản xuất còn phụ thuộc nhiều yếu tố khác nhau như nhu cầu của thị trường, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá; nguồn vốn đầu tư của nhà sản xuất. Do vậy, trong thực tế, rất nhiều kết quả nghiên cứu đủ các điều kiện bảo hộ sáng chế hay được cấp bằng độc quyền sáng chế nhưng vẫn “xếp giá” không được chuyển giao. Theo kết quả nghiên cứu của TS. Hồ Ngọc Thúy “Mỗi năm hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu, li - xăng sáng chế chỉ khoảng 20 đến 30 hợp đồng (Cục sở hữu trí tuệ năm 2005 - 2014). Nếu kể cả khai thác theo thỏa thuận giữa các nhóm nghiên cứu với các doanh nghiệp không thông qua hợp đồng chuyển nhượng thì con số

khai thác thành công kết quả nghiên cứu cũng chỉ tính theo hàng năm với con số tiềm năng khoảng 20.000 kết quả nghiên cứu”.<sup>2</sup> Như vậy, thương mại hoá các kết quả nghiên cứu đối với sáng chế còn rất khiêm tốn so với tiềm năng thực tế.

Đối với các trường đại học ở Việt Nam, nhiều kết quả nghiên cứu được đăng ký bảo hộ sáng chế hoặc chưa đăng ký nhưng có khả năng chuyển giao. Các kết quả nghiên cứu này tập trung chủ yếu ở nhóm các trường kỹ thuật, công nghệ. Trong thời gian qua, các trường có số lượng sáng chế được thương mại hoá dẫn đầu là trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, trường Đại học Bách Khoa TP Hồ Chí Minh và trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, trong khi Bộ Giáo dục và Đào tạo khuyến khích các trường có nguồn thu từ chuyển giao công nghệ đạt 5% tổng nguồn thu của trường. Đây là tỷ lệ các trường đại học ở Việt Nam rất khó đạt được. Chẳng hạn, năm 2012, tổng giá trị hợp đồng chuyển giao từ sáng chế của Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh là trên 90 tỷ đồng<sup>3</sup>. Các đại học vùng như trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng có nhiều kết quả nghiên cứu được chuyển giao cho các cơ sở sản xuất trên địa bàn miền Trung, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long như Bộ phụ kiện LPG, Biogas, nhiên liệu thay thế, chế tạo hệ thống lò hơi hệ thống lạnh, lò sấy, năng lượng mặt trời,... nguồn thu khoảng 20 tỷ đồng/năm<sup>4</sup>.

Tài sản trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế nói riêng ngày càng khẳng định vai trò là yếu tố cơ bản tạo nên giá trị của các đơn vị sự nghiệp trên thị trường. Đại học Huế là đại học vùng, đại học trọng điểm bao gồm 08 trường Đại học thành viên, 02 Khoa trực thuộc, 01 Phân hiệu và các Viện, Trung tâm nghiên cứu nên số lượng tài sản trí tuệ khá lớn. Trong giai đoạn 2011 - 2015 đã có 46 đề tài cấp quốc gia, 34 đề tài cấp Bộ, 55 đề tài cấp tỉnh. Số lượng các kết quả nghiên cứu được chuyển giao chủ yếu của trường Đại học Y Dược, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế nhưng chỉ tập trung đối với các giải pháp hữu ích<sup>5</sup>. Đại học Huế đã đạt được những thành tựu nhất định như có 05 công trình đạt giải Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam năm 2014<sup>6</sup> và có 13 đề tài thuộc Đại học Huế đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam 2014. Trong số các đề tài thuộc Đại học Huế đạt giải, có 03 giải nhất, 03 giải nhì, 01 giải khuyến khích dành cho sinh viên; 03 giải nhì, 02 giải ba và 01 giải khuyến khích dành cho giảng viên trẻ<sup>7</sup>.

---

<sup>2</sup> Xem thêm Hồ Ngọc Thúy (2005), *Đánh giá hoạt động thương mại hoá quyền SHCN đối với sáng chế ở Việt Nam* - Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế số 449 - Tháng 10/2005.

<sup>3</sup> Tài liệu tọa đàm “Gặp mặt các nhà sáng chế” do Viện Nghiên cứu sáng chế và khai thác công nghệ (Bộ Khoa học Công nghệ) ngày 13/5/2014 tại Hà Nội.

<sup>4</sup> Số liệu từ công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của Đại học Đà Nẵng, nguồn: [www://udn.vn/menus/view413](http://www.udn.vn/menus/view413).

<sup>5</sup> Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH của Đại học Huế giai đoạn 2011 - 2015 (ngày 18/02/2015).

<sup>6</sup> <http://hueuni.edu.vn/portal/vi/index.php/News/05-cong-trinh-cua-dai-hoc-hue-dat-giai-sang-cao-khoa-hoc-cong-nghe-viet-nam-nam-2014.html>

<sup>7</sup> <http://hueuni.edu.vn/portal/vi/index.php/News/13-de-tai-thuoc-dai-hoc-hue-dat-giai-tai-nang-khoa-hoc-tre-viet-nam.html>

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

*Thống kê danh mục công trình được cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích<sup>8</sup>*

STT	Tên công trình/ Giải pháp hữu ích	Tác giả	Năm/đơn vị cấp
1	Quy trình bảo quản chuỗi tiêu Musa acuminata	Nguyễn Văn Toàn	Cấp ngày 27/01/2016 Cục sở hữu trí tuệ
2	Chế phẩm sinh học Pseudomonas putida	Trần Thị Thu Hà	Cấp ngày 04/08/2016 Cục Sở hữu trí tuệ

*\* Ghi chú: Chủ sở hữu là Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế*

Bên cạnh những thành tựu chung về tài sản trí tuệ đó, thì hoạt động đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế nói riêng còn rất hạn chế. Tính từ năm 2011 - 2015 chỉ có 02 công trình được cấp bằng sáng chế dưới dạng giải pháp hữu ích.

*Thống kê danh mục sáng chế dưới dạng giải pháp hữu ích được thương mại hóa<sup>9</sup>*

STT	Tên sản phẩm*	Tác giả	Đối tác	Thời gian/ địa điểm
1	Chế phẩm sinh học Pseudomonas putida	Trần Thị Thu Hà	Công ty Cổ phần Bình Điền Mêkong	Ngày 25/6/2015 Trường Đại học Nông Lâm Huế
2	Quy trình bảo quản chuỗi tiêu Musa acuminata	Nguyễn Văn Toàn	Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp 1/5	Ngày 28/4/2016 Công ty Cổ phần Lâm nghiệp 1/5
3	Chế tạo và cung cấp thiết bị Lò đốt phế thải nông nghiệp thành than sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp	Phạm Xuân Phương	Tỉnh Phú Thọ và Thành phố Hội An	Ngày 22/12/2015

*\* Ghi chú: Chủ sở hữu là Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế*

Để thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, Đại học Huế đã ban hành Quy chế khai thác thương mại các tài sản trí tuệ tại Đại học Huế theo Quyết định số 1060/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 8 năm 2015 trong đó xác định vai trò của bộ phận xúc tiến thương mại hoá quyền sở

<sup>8</sup> Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế năm 2016, Tài liệu lưu hành nội bộ, Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

<sup>9</sup> Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế năm 2015, Tài liệu lưu hành nội bộ, Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

hữu trí tuệ thuộc Đại học Huế và cơ chế phân bổ lợi ích từ khai thác, theo đó nếu tác giả tự liên hệ chuyển giao được hưởng 60%, Đại học Huế được hưởng 40% giá trị hợp đồng. Nguồn thu từ chuyển giao kết quả nghiên cứu hoặc giải pháp hữu ích ở trường Đại học Nông lâm, trường Đại học Khoa học, trường Đại học Y Dược, Đại học Huế còn rất khiêm tốn, khoảng từ 1 đến 2 tỷ đồng/trường.

## ***2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc thương mại hoá quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế***

*Một là*, chưa nhận thức đúng vai trò to lớn của thương mại hoá quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế nói riêng. Đối với cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu thực hiện rất nhiều các đề tài, dự án và các kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu có giá trị ứng dụng nhưng việc đăng ký và chuyển giao chưa được quan tâm đúng mức. Có tình trạng này, qua khảo sát chúng tôi thấy do những nguyên nhân sau: (1) Chưa có các văn bản cụ thể hoá việc quản lý tài sản trí tuệ và thương mại hoá các tài sản trí tuệ trong các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu; (2) Chưa hình thành tổ chức tư vấn xác lập quyền và tổ chức quảng bá các kết quả nghiên cứu. Do đó, các kết quả nghiên cứu không được đăng ký bảo hộ sáng chế để bị lấy cắp và sau đó mới phát sinh vấn đề kiện tụng tranh chấp; (3) Nhận thức về quyền sở hữu trí tuệ nói chung và sáng chế nói riêng còn hạn chế. Các chủ nhiệm đề tài cho rằng các kết quả nghiên cứu là công sức trí tuệ của mình nên có toàn quyền quyết định đồng ý hay không đồng ý để nguồn đầu tư cơ sở vật chất (trường, viện nghiên cứu) sử dụng, khai thác. Vì vậy, sự minh bạch giữa tác giả và chủ sở hữu trong các hợp đồng khoa học công nghệ chưa rõ ràng do không có kiến thức về sở hữu trí tuệ. Chẳng hạn, tại Đại học Huế trong 05 công trình đoạt giải Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam năm 2014 chỉ có 02 công trình đăng ký bảo hộ sáng chế và được cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

Về phía các doanh nghiệp chưa chú trọng hoạt động thương mại hoá quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế. Sự kết nối giữa doanh nghiệp lớn với trường đại học, viện nghiên cứu chưa được đồng bộ chặt chẽ nên nhiều khi các kết quả nghiên cứu lại không phù hợp với doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp chưa sẵn sàng tiếp nhận. Trong khi đó, hoạt động của các doanh nghiệp khoa học công nghệ chưa được quan tâm đúng mức về cơ chế, vốn, điều kiện khác để có thể ứng dụng các kết quả nghiên cứu tạo ra những sản phẩm hàng hoá.

*Hai là*, nhiều kết quả nghiên cứu khoa học ứng dụng nhưng đã lỗi thời.

Trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển nhanh trên thế giới như hiện nay, thì việc nghiên cứu phải đáp ứng yêu cầu của thị trường mới đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, các nhà sản xuất. Trong điều kiện cơ sở vật chất thiếu thốn theo cách “bao cấp” từ nguồn ngân sách hiện nay thì các nhà nghiên cứu, cũng như các trường đại học, viện nghiên cứu chỉ quan tâm mức độ đánh giá, nghiệm thu “đạt” còn việc đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao không được quan tâm. Vì vậy, nhiều kết quả nghiên cứu được nghiệm thu đã lỗi thời, lạc

hậu do các hàng hoá đã xuất hiện trên thị trường từ các sáng chế ở nước ngoài được áp dụng sản xuất trước. Do đó, phương thức thực hiện có ý nghĩa quan trọng.

*Ba là*, thiếu các tổ chức có tính chất chuyên môn hoá trong vấn đề thương mại hoá quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế.

Trong thực tế, các nhà nghiên cứu chỉ quan tâm đến việc nghiên cứu của mình mà ít quan tâm kết quả nghiên cứu đó được ứng dụng như thế nào. Các doanh nghiệp, nhà sản xuất lại quan tâm đến việc ứng dụng kết quả nghiên cứu mang lại lợi ích gì cho doanh nghiệp (lợi nhuận). Do đó, rất cần một cầu nối có tính chuyên nghiệp là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp về thương mại hoá quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp nói riêng từ việc khảo sát nhu cầu thị trường qua các doanh nghiệp, tư vấn các định hướng nghiên cứu, tìm kiếm doanh nghiệp sản xuất thử nghiệm, định giá và tư vấn chuyển giao. Thông qua cầu nối này, việc thương mại hoá quyền sở hữu trí tuệ nói chung đặc biệt là quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế mới được thúc đẩy và số lượng đơn đăng ký sáng chế tăng lên cùng với các hợp đồng liên quan đến sáng chế.

### 3. Một vài kiến nghị

Qua nghiên cứu, tìm hiểu chúng tôi đưa ra một số các kiến nghị để tổ chức thực hiện có hiệu quả thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế (dưới góc nhìn các trường đại học, viện nghiên cứu thuộc trường) như sau:

- Thành lập bộ phận tư vấn về sở hữu trí tuệ, nhất là các trường có khối lượng tài sản trí tuệ lớn có khả năng chuyển giao. Bộ phận này sẽ thực hiện nhiệm vụ khảo sát nhu cầu thị trường, tư vấn hướng nghiên cứu, quảng bá và chuyển giao. Đây là cầu nối giữa doanh nghiệp - nhà nghiên cứu và trường đại học.

- Đối với các đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng phải xem xét kỹ đầu ra của các kết quả nghiên cứu không chỉ thuần túy là sự tham gia của các nhà chuyên môn mà nên có sự tham vấn của các chuyên gia về sở hữu trí tuệ (thông qua tra cứu thông tin sáng chế), các doanh nghiệp có liên quan đến kết quả nghiên cứu để hỗ trợ trong quá trình nghiên cứu đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Các trường đại học, viện nghiên cứu cụ thể hóa các quy định về quản lý quyền sở hữu trí tuệ, quy định về thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ và quy định rõ chức năng đầu mối của Bộ phận quản lý sở hữu trí tuệ để triển khai có hiệu quả.

### Kết luận

Những lợi ích trong hoạt động thương mại hoá sáng chế như một nguồn thông tin công nghệ và thương mại vô cùng có giá trị. Chúng có thể được sử dụng trực tiếp cho các mục đích khoa học và thực nghiệm; làm cơ sở để kích thích việc thích ứng và cải tiến công nghệ được mô tả trong các tài liệu bằng sáng chế ngay sau khi xuất bản, cung cấp cho người sử dụng có kiến thức cơ bản và chuyên môn cần thiết, đáp ứng được nhu cầu các Trường Đại học trong cả nước nói chung và Đại học Huế nói riêng.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hồ Ngọc Thuý (2005), *Đánh giá hoạt động thương mại hoá quyền SHCN đối với sáng chế ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế số 449 - Tháng 10/2005.
2. Viện nghiên cứu sáng chế (2014), *Tài liệu tọa đàm “Gặp mặt các nhà sáng chế”* tổ chức ngày 13/5/2014 tại Hà Nội.
3. Đại học Đà Nẵng (2015), *số liệu từ công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của Đại học Đà Nẵng*, nguồn: [www://udn.vn/menus/view413](http://www://udn.vn/menus/view413).
4. Đại học Huế (2015), *Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH của Đại học Huế giai đoạn 2011 - 2015* (ngày 18/02/2015).
5. <http://hueuni.edu.vn/portal/vi/index.php/News/05-cong-trinh-cua-dai-hoc-hue-dat-giai-sang-tao-khoa-hoc-cong-nghe-viet-nam-nam-2014.html>
6. <http://hueuni.edu.vn/portal/vi/index.php/News/13-de-tai-thuoc-dai-hoc-hue-dat-giai-tai-nang-khoa-hoc-tre-viet-nam.html>
7. Đăng Linh - *Tài sản trí tuệ, chìa khóa để phát triển* - Báo khoa học và phát triển ngày 31/07/2009.